

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/08/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+P8+TD5	7:25	1+1+19	0+0+0		0+2+19	0+0+0	CHuyen 1 P8-TD5
2		P10+TD3+RP1	9:25	6+15+1	0+0+0		0+14+7	0+0+0	
3		TD5+P10	11:25	10+12	0+0		3+14	0+0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/08/2024	TO: P5 - P8 - TD5	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: NAM - HTRUNG - NNAM	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN XUÂN HOÀN	P5	66-67	2	12	8	60	CODIEN	Vietnamese
2	SADOVNICHENKO DMITRII	P8	36	1	14		104	KHOAN	Russian
3	VŨ TRỌNG HẠCH	TD5	32	1	10	50	72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	30	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TÂN VINH	TD5	39-40	2	18		90	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	22	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	19	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
8	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	26	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN PHÙNG QUÊ	TD5	23	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VINH DUY	TD5	35-36	2	15		69	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC CƯỜNG	TD5	33	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VIỆT THĂNG	TD5	24	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN THUẬN VŨ	TD5	37-38	2	17		90	KHOAN	Vietnamese
14	ĐOÀN HIỆU	TD5	28	1	15		76	KHOAN	Vietnamese
15	ĐỖ NGUYỄN GIÁP	TD5	20-21	2	17		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TỊNH	TD5	18	1	11		81	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN DUY ĐỨC	TD5	31	1	13		84	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN NAM CƯỜNG	TD5	34	1	11		86	KHOAN	Vietnamese
19	BUI THAI QUI	TD5	27	1	12		77	KHOAN	Vietnamese
20	ĐINH CHÍ CÔNG	TD5	29	1	15		66	KHOAN	Vietnamese
21	ĐO HOÀI THANH	TD5	25	1	8	46	76	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	1	2	12	60	8	0		CHUYEN 1 PAX P8-TD5
2	P8	1	1	14	104	0	2		
3	TD5	19	23	203	1.398	96	19		
TOTAL		21	26	229	1.562	104	21		
WEIGHT KG				229	1.562	104			

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/08/2024	TO: P10 - TD3 - RP1	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: NAM - HTRUNG - NNAM	ETA: 11:40
TIM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐÌNH THỌ	P10	84-85	2	19	50	74	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ CÔNG NAM	P10	80	1	13		68	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN TUNG	P10	83	1	19		60	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC THỌ	P10	81-82	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC VIET	P10	86	1	5		60	PSV	Vietnamese
6	LÊ NGOC HUNG	P10	87	1	5		61	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HOANG VU	TD3	47	1	12	46	82	D-HANH	Vietnamese
8	HOANG VAN THUONG	TD3	48	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG PHAM NGOC VU	TD3	59	1	9		104	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG MINH TOAN	TD3	52	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẠO TIEN THIET	TD3	54	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ ANH THOAI	TD3	57	1	5		95	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN LINH	TD3	58	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC LY	TD3	53	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
15	ĐẶNG ĐÌNH PHUC	TD3	60	1	6		90	KHOAN	Vietnamese
16	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	46	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN THĂNG LỢI	TD3	56	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN LÊ CHIEN	TD3	55	1	12		84	KH-THAC	Vietnamese
19	LUƠNG NGỌC HOÀNG	TD3	49	1	8		74	DVL	Vietnamese
20	ĐÌNH VIỆT DUNG	TD3	61	1	6	12	61	DVL	Vietnamese
21	LÊ THANH CHAU	TD3	50-51	2	13		70	PSV	Vietnamese
22	HOÀNG ĐÌNH BA	RP1	39	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	6	8	78	398	50	0		
2	TD3	15	16	112	1.137	58	14		
3	RP1	1	1	7	60	0	7		
TOTAL		22	25	197	1.595	108	21		
WEIGHT KG				197	1.595	108			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/08/2024	TO: TD5 - P10	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: DUONG - N.ANH - THU	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUONG THANH TUNG	TD5	69	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM VAN PHUONG HUNG	TD5	70	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN THOI	TD5	72	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN DUNG	TD5	67	1	18		68	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYEN HUU DUC TAM	TD5	75	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN HUU TUYEN	TD5	68	1	8		62	DVL	Vietnamese
7	LE THANH TU	TD5	71	1	9		78	DVL	Vietnamese
8	BUI BACH DUONG	TD5	73	1	12		70	DVL	Vietnamese
9	DUONG MINH VIET	TD5	65-66	2	11		65	DVL	Vietnamese
10	MAI THE HIEN	TD5	64	1	13		84	KHOAN	Vietnamese
11	LE VAN KHANH	P10	62-63	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN GIA HIEU	P10	57	1	17		64	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM NGOC NAM	P10	55-56	2	19		66	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VAN TAM	P10	42-43	2	17		66	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN VINH	P10	53-54	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TRI	P10	49-50	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN QUOC TUAN	P10	44-45	2	8	33	63	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN VAN HE	P10	60-61	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
19	DO XUAN HIEP	P10	48	1	13		75	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG PHAM DAI	P10	51-52	2	19		59	XAYLAP	Vietnamese
21	HUYNH DUC TAM	P10	46-47	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN DUY ANH	P10	58-59	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	10	11	104	706	0	3		
2	P10	12	22	196	789	33	14		
TOTAL		22	33	300	1.495	33	17		
WEIGHT KG				300	1.495	33			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/08/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+P4	7:25	4+18	0+0		3+18	0+0	
2		P8+TTC3+TD1	7:25	2+9+11	0+0+0		1+3+13	0+0+0	Chuyen 2 P8- ThTC3
3		P1	7:25	22	0		22	0	
4		AMD	7:30	19	0		19	0	puma
5		AMD+P10+GTc1	9:25	14+4+1	0+0+0		12+4+1	0+0+0	puma, chuyen 1 P10-GTc1
6		P1+P5	9:25	6+16	0+0		1+21	0+0	
7		TD5+P4	9:25	6+16	0+0		5+17	0+0	
8		P4+P7	9:25	18+4	0+0		2+6	0+0	
9		RCDM+RP2+P3	11:25	4+1+17	0+0+0		2+1+19	0+0+0	
10		TD1+P7+P10	11:25	8+12+2	0+0+0		6+10+3	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày: 3 người P3, 1 người TD1



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/08/2024	TO: P3 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: NAM - NPHÚ - VŨ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE HONG ĐAI	P3	97	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
2	PHAN KIM CUONG	P3					60	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN THANG	P3					62	NIPI	Vietnamese
4	NGO HUNG HAI	P3	28	1	5		75	TTAT	Vietnamese
5	MARZIEV	P4	59	1	6		85	KH-THAC	Russian
6	PODYMОВ	P4	61	1	5		130	KH-THAC	Russian
7	HOANG NGOC TRUONG	P4	62	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HOANG (HLO)	P4	63	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUU SY	P4	67-68	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DINH PHUONG	P4	70-71	2	19		78	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN CONG THANH	P4	69	1	5		68	CODIEN	Vietnamese
12	ĐO QUỐC THANH MINH	P4	73	1	10		74	CODIEN	Vietnamese
13	VŨ NGOC CANH	P4	65-66	2	19	30	81	CODIEN	Vietnamese
14	KIM NHAT THANH	P4	72	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
15	PHAN ANH DUC	P4	56	1	5	20	92	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG KHAC DU	P4	64	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN CHIEN	P4					70	KH-THAC	Vietnamese
18	DANG HONG VIET	P4	60	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN BAO TOAN	P4	58	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN MINH DUC	P4	83	1	5	60	88	XNKHI	Vietnamese
21	DAO MINH TUAN	P4					75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN THUONG	P4	57	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	4	2	10	272	0	3		
2	P4	18	19	125	1.428	110	18		
TOTAL		22	21	135	1.700	110	21		
WEIGHT KG				135	1.700	110			

GRAND TOAL: 1.945 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/08/2024	TO: P8 - TTC3 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - TU	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BA DAT	P8	37,51	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN CONG TINH	P8	38	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUU DUNG	TTC3	48-49	2	12	35	57	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRONG TIEN	TTC3	47	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN BAC	TTC3	52	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO VAN DON	TTC3	40,42	2	8		59	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH VINH	TTC3	50-51	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HUU LONG	TTC3	54	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN BA LINH	TTC3	53	1	15	14	65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN TUAN ANH	TTC3	45-46	2	8		71	CODIEN	Vietnamese
11	DO VAN THANH	TTC3	43-44	2	20		90	CODIEN	Vietnamese
12	DO MINH DUNG	TD1	41	1	9	16	67	KHOAN	Vietnamese
13	VU VAN QUY	TD1	39	1	4		56	KHOAN	Vietnamese
14	TRINH HUY TOAN	TD1	43	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	THAI DUC TOAN	TD1	42	1	2		61	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG NGOC SON	TD1	46	1	2		56	KHOAN	Vietnamese
17	LUU THIEN DUC	TD1	40	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
18	TARGANOV GENNADII	TD1					90	ANTOAN	Russian
19	HO VAN HAU	TD1	37	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG TUAN ANH	TD1	45	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN QUANG THUC	TD1	38	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	DUONG MINH DUC	TD1	44	1	2		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	2	3	22	136	0	1+2		CHUYEN 2 PAX P8-TTC3
2	TTC3	9	14	100	621	49	3		
3	TD1	11	10	53	735	16	13		
TOTAL		22	27	175	1.492	65	17		
WEIGHT KG				175	1.492	65			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/08/2024	TO: P1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - SƠN - THỤ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TUNG	P1	32	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN LANH	P1	18	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN THẮNG	P1	39	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VĂN LINH	P1	19	1	6		61	YTE	Vietnamese
5	LÊ VĂN THẮNG	P1	21	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC HAI	P1	35	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN KHANH DUY	P1					70	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯU VĂN TUẤN	P1	33	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN THƯỜNG	P1	34	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THANH HAI	P1	23-24	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ HỮU CHUNG	P1	29	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1					80	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ QUANG TUYẾN	P1	22	1	5		100	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG DUY KHUÔNG	P1	30	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VĂN TỰ	P1	23	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG NGUYỄN LONG NHÀN	P1	31	1	5		120	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	38	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	P1	20	1	6		54	KH-THAC	Vietnamese
19	CHÂU HÙNG HUY	P1	17	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	28	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ MINH HIẾU	P1	24-25	2	15		73	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ NGỌC CƯỜNG	P1	36-37	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	23	152	1.584	0	22		
TOTAL		22	23	152	1.584	0	22		
WEIGHT KG				152	1.584	0			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/08/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:45
FLIGHT: 04	TO: AMD	CREW: ATUÁN - MẠNH	ETA: 09:35
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC VIỆT	AMD	16	1	6	60	62	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN NGỌC THU	AMD	900	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN AN	AMD	08	1	5		67	HLJOC	Vietnamese
4	PHAN VĂN HAO	AMD	20-21	2	11		51	HLJOC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC TÂN	AMD	01	1	5		73	TLJOC	Vietnamese
6	TRUONG XUAN CHI	AMD	05-06	2	15		68	TLJOC	Vietnamese
7	TRƯỜNG THE HIEN	AMD	07	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN TÂN TRI	AMD	04	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN THUY	AMD	14	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HIỆU THẢO	AMD	15	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	03	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM ANH NGU	AMD	12	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO BA THANH	AMD	02	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NGHĨA	AMD	18-19	2	11		61	KH-THAC	Vietnamese
15	HA HUY THĂNG	AMD	11	1	5		55	BAB	Vietnamese
16	TRƯỜNG QUỐC BẢO	AMD	10	1	6	23	65	BAB	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HIEN	AMD	17	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	09	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
19	CHU HỮU CHÍNH	AMD	13	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	19	22	117	1.218	83	19		
TOTAL		19	22	117	1.218	83	19		
WEIGHT KG				117	1.218	83			

GRAND TOAL: 1.418 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/08/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 10:05
FLIGHT: 05	TO: AMD - P10 - GTC1	CREW: ATUÂN - MẠNH	ETA: 11:55
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG THÀNH	AMD	34-35	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	40-41	2	15		71	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VIỆT THĂNG	AMD	27	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO ĐỨC HUY	AMD	31	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH HOANG	AMD	36-37	2	15		85	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH SONG	AMD	44	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯƠNG ĐỨC HÙNG	AMD	32-33	2	15		78	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN MINH HOÀI	AMD	26	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VIỆT ĐỨC	AMD	45	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ QUANG VIỆT	AMD	46	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	AMD	29-30	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN THIÊN	AMD	38-39	2	10		65	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN DOANH	AMD	42-43	2	9		65	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN TÂN VƯƠNG	AMD	28	1	5		66	PSV	Vietnamese
15	HOANG MẠNH THĂNG	P10	69	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
16	HÀ QUANG TRUNG	P10	68	1	10	18	51	KH-THAC	Vietnamese
17	HÀN TRÍCH GIANG	P10	65-66	2	15	15	72	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG BA ĐỨC	P10	67	1	11		82	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN QUỐC HÙNG	GTC1	64	1	7	15	93	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	14	21	146	983	0	12		CHUYỂN T P10-GTC1
2	P10	4	5	43	275	33	4	1	
3	GTC1	1	1	7	93	15	1		
TOTAL		19	27	196	1.351	48	17		
WEIGHT KG				196	1.351	48			

GRAND TOAL: 1.595 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/08/2024	TO: P1 - P5	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: VTHANG - SON - THU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN DUNG	P1	42	1	10	11	82	XAYLAP	Vietnamese
2	LE VAN BAO	P1	40	1	15		76	XAYLAP	Vietnamese
3	LE THANH LAC	P1	41	1	10		56	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẠO VĂN HOAN	P1	48	1	7	20	67	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN NGHI	P1	44	1	10	10	73	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI VAN VUONG	P1	46	1	10	11	68	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TUONG	P5	10-11	2	10		68	YTE	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG VIET	P5	16	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
9	LUONG VAN THANH	P5	12	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	TONG XUAN SINH	P5	14	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG NGOC ANH CHIEN	P5	08-09	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TUAN MINH	P5	05	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN DINH TU (HLO)	P5	17	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN NGOC	P5	13	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
15	DOAN DINH PHAC	P5	03	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN CAO MANH	P5	18	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG NGOC LAN	P5	15	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM VAN CUONG.	P5	06-07	2	17		80	DVL	Vietnamese
19	ĐOAN ANH PHUONG	P5	01	1	4		67	PSV	Vietnamese
20	ĐỖ KHÁC ĐÀ	P5	04	1	4		65	PSV	Vietnamese
21	ĐẠO XUAN THANH	P5	19	1	3		68	PSV	Vietnamese
22	DINH VAN LUU	P5	02	1	4		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	6	6	62	422	52	1		
2	P5	16	19	107	1.124	0	21		
TOTAL		22	25	169	1.546	52	22		
WEIGHT KG				169	1.546	52			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/08/2024	TO: TD5 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: NAM - NPHÚ - VŨ	ETA: 11:45
CAM - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG NAM THANG	TD5	81-82	2	14		57	BAKER HU	Vietnamese
2	NGUYỄN QUYẾT QUYNH	TD5	83-84	2	18		64	BAKER HU	Vietnamese
3	ĐO GIA LƯỢNG	TD5	79-80	2	15		96	BAKER HU	Vietnamese
4	NGUYỄN HUY HOANG	TD5	77-78	2	17		78	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC ANH	TD5	74	1	13		94	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG HUNG	TD5	76	1	15		61	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH HAI 12550	P4	91	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG THE ANH	P4	94	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LAM XUAN HAI	P4	93	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HUNG BAY	P4	90	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ HOÀNG PHỤNG	P4	87	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH HAI	P4	98	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH NAM	P4	97	1	2		78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT DỪNG	P4	95-96	2	15		64	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM LÊ DUƠNG	P4	86	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU THANH	P4					65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HUY	P4	88	1	12		68	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN THẾ HUY	P4	85	1	12	20	80	CODIEN	Vietnamese
19	TÔ TIẾN HUNG	P4	84	1	9		80	CODIEN	Vietnamese
20	ĐẶNG TUẤN ANH	P4	99	1	8	112	85	CODIEN	Vietnamese
21	VƯƠNG QUỐC VIỆT	P4	98	1	7		63	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC QUAN	P4	92	1	11		79	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	6	10	92	450	0	5		
2	P4	16	16	116	1.146	132	17		
TOTAL		22	26	208	1.596	132	22		
WEIGHT KG				208	1.596	132			

GRAND TOAL: 1.936 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/08/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 08	TO: P4 - P7	CREW: HUNG - MTHAO - TU	ETA: 11:50
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MANH TUNG TAI	P4	54	1	11	45	72	CODIEN	Vietnamese
2	LAM VAN PHUC	P4	44	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN DUNG	P4	51-52	2	12	43	65	KHI	Vietnamese
4	DOAN THANH CONG	P4	38	1	10		75	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN HUU LUAN	P4	56	1	5		74	KHI	Vietnamese
6	ĐANG HUY KHANH	P4	37	1	6		78	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN VAN THINH	P4	45-46	2	10		75	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN TUNG DUONG	P4	47	1	8		59	ANTOAN	Vietnamese
9	ĐO VAN DINH	P4	39	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
10	CAO NGOC THANH	P4	48	1	11	6	63	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐO VAN QUANG	P4	40	1	10	10	56	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI QUANG ANH	P4	32	1	10	10	67	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN KHAC SON	P4	42	1	12	13	56	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAM TUNG DUONG	P4	53	1	6		75	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN MANH TUNG	P4	50	1	12	20	76	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VAN DUNG	P4	31	1	15		91	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC LONG	P4	28-29	2	10	18	57	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN ĐUC TOAN	P4	34	1	6	15	61	T-TIN	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TAM	P4	55	1	13	17	67	YTE	Vietnamese
20	LE HOAI THANH	P7	91	1	9	15	65	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	19	22	187	1.302	197	2		THAO 2 CHO DE CHO HANG
2	P7	1	1	9	65	15	6		
TOTAL		20	23	196	1.367	212	8		
WEIGHT KG				196	1.367	212			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

hieu vsp



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/08/2024	TO: RCDM - RP2 - P3	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: KHOAN - N.ANH - QTRUONG	ETA: 14:00
XANH - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN QUY	RCDM	58	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
2	HO TRONG BANG	RCDM	62	1	10		74	PSV	Vietnamese
3	LE TUAN ANH	RCDM	61	1	10		80	CODIEN	Vietnamese
4	PHAM TIEN DUNG	RCDM	59	1	9	30	71	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN THU	RP2	01	1	15	55	60	DVL	Vietnamese
6	Dinh Song Hai	P3	91-92	2	12		60	YTE	Vietnamese
7	Dinh Van Toan	P3	90	1	11		57	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH HAI (15230)	P3	94-95	2	14		59	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG MANH CUONG	P3	65	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
10	DAO DINH HUY	P3	98	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
11	LAM TUAN KHAI	P3	99	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TRUONG	P3	97	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
13	CHAU DINH TU	P3	93	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC VINH (HLO)	P3	85	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	LE TAM THUY	P3	87	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
16	HO NGHIA TAI	P3	86	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN CONG THANH	P3	96	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
18	DO HOAI NAM	P3	88	1	6		67	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN THANH SON	P3	84	1	7		71	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN MINH GIAU	P3	64	1	5		66	PSV	Vietnamese
21	TRINH NGOC TU	P3	89	1	10		74	CODIEN	Vietnamese
22	HOANG DUC HAI	P3	799,800	2	17		67	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	4	4	42	305	30	2		
2	RP2	1	1	15	60	55	1		
3	P3	17	20	128	1.160	0	19		
TOTAL		22	25	185	1.525	85	22		
WEIGHT KG				185	1.525	85			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/08/2024	TO: TD1 - P7 - P10	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: VIỆT - HTRUNG - NNAM	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM MINH TRỌNG	TD1	09	1	8		69	KHOAN	Vietnamese
2	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	TD1	07-08	2	18		80	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGỌC ĐỖ	TD1	01-02	2	10		70	ANTOAN	Vietnamese
4	HOANG VINH PHU	TD1	04	1	6		80	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG THÀNH	TD1	06	1	8		68	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TUNG	TD1	05	1	10		68	ANTOAN	Vietnamese
7	KHUÔNG THANH DƯƠNG	TD1	03	1	14		70	ANTOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH CÔNG	TD1	10	1	4		68	PSV	Vietnamese
9	MAI CÔNG LAN (HLO)	P7	38-39	2	19		63	KH-THAC	Vietnamese
10	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	P7					75	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC SƠN	P7					70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÂM ĐĂNG GIANG	P7	37	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM NGUYỄN HAI DƯƠNG	P7	36	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯỜNG HỒNG HAI	P7	33	1	15		88	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ MINH PHƯƠNG	P7	40	1	11		90	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN CHUÔNG	P7	41-42	2	19	50	72	ANTOAN	Vietnamese
17	ĐÀO TUẤN CHỦ	P7	32	1	4		67	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	P7	35	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	MAI VĂN SƠN	P7					65	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN TIẾN HIỆP	P7	34	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN BA CƯỜNG	P10	73-74	2	19	12	67	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐẶNG SỸ AN	P10	75	1	10	18	63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	8	10	78	573	0	6		
2	P7	12	11	88	887	50	10		
3	P10	2	3	29	130	30	3		
TOTAL		22	24	195	1,590	80	19		
WEIGHT KG				195	1,590	80			

GRAND TOAL: 1.865 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN